

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC	
ĐẾN	Số:.....007176.....
Ngày:	21 -03- 2013
Chuyên:
Lưu hồ sơ số:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
kèm theo
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi :

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 03 Ngõ 1295 Đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 974 5081/82 Fax: (04) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 03 năm 2013



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TUY TẾ HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 102 Chi Lăng - Phường Nguyễn Trãi - TP. Hải Dương - Hải Dương

Điện thoại: 0320 3853848 - Fax: 0320 3853848

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang số</u>
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012	6-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2012	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2012	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2012	10 - 30

CÔNG TY CP DƯỢC & VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 102 Chi Lăng - Phường Nguyễn Trãi - TP. Hải Dương - Hải Dương

Điện thoại: 0320 3853848 - Fax: 0320 3853848

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương

Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương được chuyển đổi từ Công ty Dược Vật tư y tế Hải Dương theo Quyết định số 5943/QĐ/UB ngày 17/12/2002 của UBND tỉnh Hải Dương về việc chuyển doanh nghiệp Nhà Nước thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000046 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 04 tháng 04 năm 2003, thay đổi lần thứ 6, ngày 15 tháng 05 năm 2012 với mã số Doanh nghiệp là: 0800011018. Theo đó;

Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng.

(Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng.)

Danh sách cổ đông tại thời điểm 31/12/2012:

Nội dung	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ góp vốn
Tổng Công ty vốn và kinh doanh Nhà nước	Phổ thông	363.800	3.638.000.000	12,1%
Cán bộ CNV	Phổ thông	1.415.905	14.159.050.000	47,2%
Cổ đông ngoài	Phổ thông	1.220.295	12.202.950.000	40,7%
Cộng		3.000.000	30.000.000.000	100%

Mệnh giá cổ phần 10.000 đồng/CP

Trụ sở chính: Số 102, phường Nguyễn Trãi - thành phố Hải Dương - tỉnh Hải Dương

Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị của Công ty tại ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị:

- | | |
|-------------------------|----------------------------|
| * Ông Trần Văn Oanh | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| * Ông Nguyễn Xuân Trang | Ủy Viên HĐQT |
| * Bà Nguyễn Thị Tú Anh | Ủy Viên HĐQT |

Ban Giám đốc:

- | | |
|-------------------------|-------------------|
| * Ông Nguyễn Xuân Trang | Tổng Giám đốc |
| * Bà Nguyễn Thị Tú Anh | Phó Tổng Giám đốc |
| * Ông Chu Văn Long | Kế toán trưởng |

Các chi nhánh trực thuộc:

- | | |
|---------------------------|--------------------------|
| 1. Chi nhánh dược liệu | 8. Chi nhánh Thanh Hà |
| 2. Chi nhánh Hà Nội | 9. Chi nhánh Cẩm Giàng |
| 3. Chi nhánh TP Hải Dương | 10. Chi nhánh Tứ Kỳ |
| 4. Chi nhánh Thanh Miện | 11. Chi nhánh Gia Lộc |
| 5. Chi nhánh Kim Thành | 12. Chi nhánh Nam Sách |
| 6. Chi nhánh Bình Giang | 13. Chi nhánh Ninh Giang |
| 7. Chi nhánh Kinh Môn | 14. Chi nhánh Chí Linh |

2. Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo Đăng ký kinh doanh:

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;

- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Sản xuất thực phẩm chức năng;
- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;
- Trồng cây dược liệu;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê văn phòng, bến bãi, cửa hàng, nhà kho, nhà ở;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp;

3. Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI)

4. Tại Báo cáo này Ban Giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Báo cáo tài chính năm 2012 đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2012 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

ĐẠI DIỆN:

Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương



Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Trang

Hải Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2013

Số: *17* /CPA HANOI - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương*

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính như đã trình bày từ trang 06 đến trang 30 kèm theo. Báo cáo tài chính này đã được lập ngày 20/02/2013 theo các quy định nêu tại thuyết minh số I, II, III, IV, V và VII trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 02 và 03, Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý.

Trách nhiệm của chúng tôi là tiến hành kiểm tra và đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán và sau đó báo cáo với Ban Giám đốc Công ty.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết nhằm thu thập các bằng chứng xác minh những số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như phương pháp trình bày tổng quát Báo cáo tài chính.

Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu thì Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương đã:

- a) Phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2012, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- b) Phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý ngang nhau. Công ty Cổ

phần Dược Vật tư y tế Hải Dương giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Kiểm toán viên



Lê Văn Dò

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0231 /KTV

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI



Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Tĩnh

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0132/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		235.634.766.049	183.639.277.258
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		20.104.565.181	11.670.136.874
1. Tiền	111	V.01	20.104.565.181	11.670.136.874
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu	130		147.708.887.612	101.650.678.834
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	149.187.253.148	103.615.393.657
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	1.471.554.975	715.611.807
3. Các khoản phải thu khác	138	V.04	341.029.602	217.438.072
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	V.05	(3.290.950.113)	(2.897.764.702)
IV. Hàng tồn kho	140		66.959.780.659	67.690.327.411
1. Hàng tồn kho	141	V.06	66.959.780.659	67.690.327.411
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		861.532.597	2.628.134.139
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		127.470.863	96.368.863
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.949.682	211.140.822
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	732.112.052	2.320.624.454
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.773.783.314	33.530.845.632
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		32.382.697.365	33.069.937.806
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	29.493.552.891	31.686.657.130
- Nguyên giá	222		76.958.984.148	68.356.009.127
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(47.465.431.257)	(36.669.351.997)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	279.992.714	759.980.210
- Nguyên giá	228		2.399.937.490	2.399.937.490
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.119.944.776)	(1.639.957.280)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	2.609.151.760	623.300.466
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		23.000.000	23.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.11	23.000.000	23.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		368.085.949	437.907.826
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	368.085.949	437.907.826
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		268.408.549.363	217.170.122.890

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 102 Chi Lăng - Phường Nguyễn Trãi - TP. Hải Dương - Hải Dương

Điện thoại: 0320 3853848 - Fax: 0320 3853848

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đ	
			Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		177.955.439.596	135.143.123.390
I. Nợ ngắn hạn	310		169.488.174.325	119.298.243.825
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	36.314.236.906	23.871.947.432
2. Phải trả người bán	312	V.14	102.173.016.526	74.982.257.737
3. Người mua trả tiền trước	313		1.798.127.250	978.358.573
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	3.966.841.163	1.650.159.391
5. Phải trả công nhân viên	315	V.16	6.932.642.094	5.434.400.478
6. Chi phí phải trả	316	V.17	8.290.358.734	5.588.502.580
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	3.619.555.768	3.514.059.366
8. Quỹ khen thưởng - phúc lợi	323	V.19	6.393.395.884	3.278.558.268
II. Nợ dài hạn	330		8.467.265.271	15.844.879.565
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	8.219.538.000	13.559.150.434
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.21	-	2.140.274.586
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		247.727.271	145.454.545
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		90.453.109.767	82.026.999.500
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	90.453.109.767	82.026.999.500
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28.720.000.000	28.720.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.256.613.420	3.256.613.420
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.206.289.506	4.444.202.004
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.969.092.823	4.236.152.648
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		13.301.114.018	11.370.031.428
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		268.408.549.363	217.170.122.890

Kế toán trưởng



Chu Văn Long



Ngày 20 tháng 02 năm 2013

Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Trang

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.23	688.021.839.816	675.337.950.420
2. Các khoản giảm trừ	03	VI.24	3.592.431.992	2.365.696.072
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	10	VI.25	684.429.407.824	672.972.254.348
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.26	582.584.721.924	589.750.631.924
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		101.844.685.900	83.221.622.424
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.27	1.441.297.763	2.610.982.034
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	4.781.063.483	3.939.149.983
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.781.063.483	3.542.996.356
8. Chi phí bán hàng	24		33.171.036.444	27.788.155.064
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		40.539.339.633	33.872.841.118
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.794.544.103	20.232.458.293
11. Thu nhập khác	31		2.140.274.586	40.000.000
12. Chi phí khác	32		-	14.500.000
13. Lợi nhuận khác	40		2.140.274.586	25.500.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.934.818.689	20.257.958.293
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		6.142.572.647	2.587.926.865
Thuế TNDN hiện hành	51	VI.29	6.733.704.672	5.064.489.573
Thuế TNDN được miễn giảm		VI.30	591.132.025	2.476.562.708
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60		20.792.246.042	17.670.031.428
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VI.32	6.931	5.890

Kế toán trưởng



Chu Văn Long

Hải Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Trang

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2012

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính: đồng	
		Năm nay	Năm trước
1	2	3	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	605.021.071.405	485.687.323.792
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(519.650.125.459)	(443.798.975.935)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(40.999.326.265)	(36.734.653.024)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(4.482.629.892)	(3.357.313.794)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(5.873.467.699)	(2.579.988.542)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	171.073.637.322	139.146.360.948
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(182.016.639.195)	(146.913.382.278)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	23.072.520.217	(8.550.628.833)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản DH khác	21	(2.687.902.455)	(4.521.530.975)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản DH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	216.424.286	1.613.654.754
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.471.478.169)	(2.907.876.221)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	51.388.694.626	25.376.721.423
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(56.787.468.367)	(20.322.228.036)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.767.840.000)	(5.972.419.167)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.166.613.741)	(917.925.780)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	8.434.428.307	(12.376.430.834)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.670.136.874	24.046.567.708
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	20.104.565.181	11.670.136.874

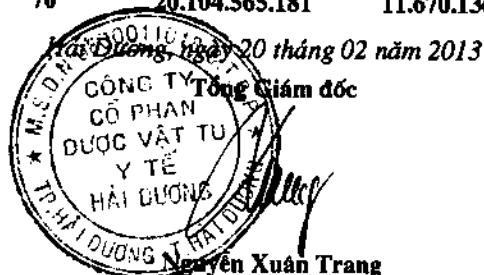
Kế toán trưởng



Chu Văn Long

Hải Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Xuân Trang

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương được chuyển đổi từ Công ty Dược Vật tư y tế Hải Dương theo Quyết định số 5943/QĐ/UB ngày 17/12/2002 của UBND tỉnh Hải Dương về việc chuyển doanh nghiệp Nhà Nước thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000046 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 04 tháng 04 năm 2003, thay đổi lần thứ 6, ngày 15 tháng 05 năm 2012 với mã số Doanh nghiệp là: 0800011018. Theo đó;

Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng.

(Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng.)

Trụ sở chính: Số 102 - Phường Nguyễn Trãi - TP Hải Dương - Tỉnh Hải Dương

Danh sách cổ đông tại thời điểm 31/12/2012

Nội dung	Loại CP	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (đ)	Tỷ lệ vốn góp
Tổng Công ty vốn và Kinh doanh Nhà nước	Phổ thông	363.800	3.638.000.000	12,1%
Cán bộ CNV	Phổ thông	1.415.905	14.159.050.000	47,2%
Cổ đông ngoài	Phổ thông	1.220.295	12.202.950.000	40,7%
Cộng		3.000.000	30.000.000.000	100,0%

2. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Sản xuất thực phẩm chức năng;
- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;
- Trồng cây dược liệu;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê văn phòng, bến bãi, cửa hàng, nhà kho, nhà ở;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp;

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đ).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các Thông tư bổ sung, sửa đổi kèm theo.
2. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi số

IV. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Chúng tôi, Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

V. Các chính sách kế toán áp dụng

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo;

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giao dịch do Ngân hàng nơi Doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch do Ngân hàng nơi Doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ và công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

2.3. Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kê khai thường xuyên.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản cố định phải thu khó đòi:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính

- Tài sản cố định của Công ty được ghi chép ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng Tài sản cố định đơn vị hạch toán theo 03 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao căn cứ theo thời gian sử dụng ước tính và giá trị phải khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa	5 - 50 năm
Máy móc	3 - 20 năm
Phương tiện	6 - 30 năm
Thiết bị	3 - 10 năm

4. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo nếu:

Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn

5. Ghi nhận các khoản chi phí trả trước:

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- * Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- * Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ.

Trong kỳ, toàn bộ chi phí vay được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

7. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm:

7.1 Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7.2 Đối với những TSCĐ đặc thù, việc sửa chữa có tính chu kỳ thì chi phí sửa chữa lớn những tài sản này được trích trên cơ sở dự toán hoặc theo kế hoạch và được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

7.3 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm: Được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính về việc xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

8.1 Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

8.2 Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, bán cổ phiếu đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không được vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

11. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

11.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 102 Chi Lăng - Phường Nguyễn Trãi - TP. Hải Dương - Hải Dương

Điện thoại: 0320 3853848 - Fax: 0320 3853848

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2012

- Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:
- * Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- * Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

11.2 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

- Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:
- * Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- * Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.
- * Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.
- * Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

11.3 Các nghĩa vụ về thuế:

- * Thuế giá trị gia tăng: Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng tại Cục thuế TP Hải Dương. Hàng tháng có lập tờ khai thuế đầu vào và thuế đầu ra theo đúng qui định. Khi kết thúc năm tài chính đơn vị lập các Báo cáo thuế Giá trị gia tăng theo qui định hiện hành.
- * Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- * Các loại thuế khác thực hiện theo qui định hiện hành.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: đồng)

01. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	792.076.026	1.880.104.180
Văn phòng Công ty	41.303.958	1.152.173.302
Phòng Dược liệu	393.748.004	227.862.709
Chi nhánh Hà Nội	23.014.980	21.261.172
Chi nhánh TP Hải Dương	16.344.380	26.589.663
Chi nhánh Thanh Miện	31.191.600	30.684.600
Chi nhánh Kim Thành	63.949.574	16.679.638
Chi nhánh Bình Giang	14.870.458	3.189.905
Chi nhánh Kim Môn	3.807.358	10.812.606
Chi nhánh Thanh Hà	1.680.720	7.260.240
Chi nhánh Cẩm Giàng	45.159.797	37.054.662
Chi nhánh Tứ Kỳ	4.606.118	4.204.349
Chi nhánh Gia Lộc	29.147.005	23.742.391
Chi nhánh Nam Sách	87.698.177	14.871.453
Chi nhánh Ninh Giang	14.570.897	15.146.490
Chi nhánh Chí Linh	20.983.000	288.571.000
- Tiền gửi Ngân hàng	19.312.489.155	9.790.032.694
Văn phòng Công ty	16.573.574.038	8.951.718.805
Phòng Dược liệu	5.155.004	
Chi nhánh Hà Nội	131.264.768	2.439.139
Chi nhánh TP Hải Dương	7.956.576	

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNGĐịa chỉ: Số 102 Chi Lăng - Phường Nguyễn Trãi - TP. Hải Dương - Hải Dương
Điện thoại: 0320 3853848 - Fax: 0320 3853848

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2012

Chi nhánh Thanh Miện	5.433.080	5.947.108
Chi nhánh Kim Thành	35.115.047	566.477.184
Chi nhánh Bình Giang	5.613.575	703.450
Chi nhánh Kim Môn	27.979.919	190.891.020
Chi nhánh Thanh Hà	1.298.991.600	3.466.546
Chi nhánh Cẩm Giàng	17.952.199	6.764.703
Chi nhánh Tứ Kỳ	11.359.317	2.516.098
Chi nhánh Gia Lộc	10.020.948	24.599.329
Chi nhánh Nam Sách	153.361.175	3.542.563
Chi nhánh Ninh Giang	5.348.040	2.215.725
Chi nhánh Chí Linh	1.023.363.869	28.751.024
Cộng	20.104.565.181	11.670.136.874
02. Các khoản phải thu Khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	98.187.462.150	64.421.358.158
Phòng Dược liệu	1.098.892.744	1.853.268.105
Chi nhánh Hà Nội	2.632.764.150	1.477.772.940
Chi nhánh TP Hải Dương	2.667.848.928	2.222.176.279
Chi nhánh Thanh Miện	3.917.436.439	2.068.093.665
Chi nhánh Kim Thành	4.264.559.184	1.417.651.378
Chi nhánh Bình Giang	4.237.723.652	3.171.590.657
Chi nhánh Kim Môn	3.325.022.439	3.913.958.211
Chi nhánh Thanh Hà	890.383.911	2.191.647.335
Chi nhánh Cẩm Giàng	5.063.361.511	4.271.246.225
Chi nhánh Tứ Kỳ	6.810.653.373	5.297.749.604
Chi nhánh Gia Lộc	6.472.202.695	5.362.209.568
Chi nhánh Nam Sách	6.744.257.269	4.556.135.661
Chi nhánh Ninh Giang	2.474.781.598	1.095.962.432
Chi nhánh Chí Linh	399.903.105	294.573.439
Cộng	149.187.253.148	103.615.393.657
03. Các khoản trả trước cho người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	1.373.532.061	669.725.747
Chi nhánh Bình Giang	98.022.914	45.886.060
Cộng	1.471.554.975	715.611.807
04. Phải thu khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	299.746.038	208.816.222
Chi nhánh TP Hải Dương	-	1.058.300
Chi nhánh Kim Thành	27.554.400	-
Chi nhánh Cẩm Giàng	11.717.050	7.563.550
Chi nhánh Chí Linh	2.012.114	-
Cộng	341.029.602	217.438.072
05. Dự phòng phải thu khó đòi	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	3.290.950.113	2.897.764.702
Cộng	3.290.950.113	2.897.764.702

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNGĐịa chỉ: Số 102 Chi Lăng - Phường Nguyễn Trãi - TP. Hải Dương - Hải Dương
Điện thoại: 0320 3853848 - Fax: 0320 3853848**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2012

06. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá gốc hàng tồn kho	66.959.780.659	67.690.327.411
- <i>Hàng hóa</i>	35.907.497.401	29.684.966.881
Văn phòng Công ty	21.154.470.017	19.852.413.746
Phòng Dược liệu	436.873.820	432.513.399
Chi nhánh Hà Nội	919.831.813	476.858.019
Chi nhánh TP Hải Dương	470.273.694	589.961.031
Chi nhánh Thanh Miện	1.657.928.011	1.536.295.748
Chi nhánh Kim Thành	674.863.712	503.174.900
Chi nhánh Bình Giang	331.090.930	316.444.589
Chi nhánh Kim Môn	965.389.811	598.327.963
Chi nhánh Thanh Hà	1.051.609.717	458.210.725
Chi nhánh Cẩm Giàng	1.944.795.852	1.353.227.670
Chi nhánh Tứ Kỳ	1.784.935.375	1.096.574.634
Chi nhánh Gia Lộc	2.238.309.466	1.135.618.438
Chi nhánh Nam Sách	1.051.862.520	381.021.769
Chi nhánh Ninh Giang	696.270.550	618.209.963
Chi nhánh Chí Linh	528.992.113	336.114.287
- <i>Nguyên liệu, vật liệu</i>	18.530.078.621	25.658.528.758
Văn phòng Công ty	18.530.078.621	25.658.528.758
- <i>Thành phẩm</i>	12.471.140.824	12.213.422.408
Văn phòng Công ty	12.233.130.090	12.178.370.788
Phòng Dược liệu	238.010.734	35.051.620
- <i>Công cụ dụng cụ</i>	51.063.813	133.409.364
Văn phòng Công ty	41.552.499	86.038.558
Chi nhánh TP Hải Dương	5.321.326	5.419.182
Chi nhánh Thanh Miện	4.189.988	22.909.988
Chi nhánh Kim Thành	-	2.280.000
Chi nhánh Ninh Giang	-	16.761.636
- <i>Chi phí SX, KD dở dang</i>	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	66.959.780.659	67.690.327.411
07. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	732.112.052	2.320.624.454
Văn phòng Công ty	148.881.175	300.797.512
Chi nhánh TP. Hải Dương	578.430.877	1.819.436.160
Chi nhánh Bình Giang	-	189.652.372
Chi nhánh Kim Thành	3.900.000	10.288.410
Chi nhánh Nam Sách	900.000	450.000
Cộng	732.112.052	2.320.624.454

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 102 Chi Lăng - Phường Nguyễn Trãi - TP. Hải Dương - Hải Dương

Điện thoại: 0320 3853848 - Fax: 0320 3853848

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2012

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá tài sản cố định						
1. Số dư đầu năm	28.601.354.984	35.415.944.030	2.121.013.309	2.217.696.804	-	68.356.009.127
2. Số tăng trong kỳ	4.713.916.322	3.048.568.269	1.272.837.272	77.858.982	-	9.113.180.845
- Mua trong năm	-	3.048.568.269	1.272.837.272	77.858.982	-	4.399.264.523
- XDCB hoàn thành	4.713.916.322	-	-	-	-	4.713.916.322
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	480.896.300	-	29.309.524	510.205.824
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	480.896.300	-	29.309.524	510.205.824
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	33.315.271.306	38.464.512.299	2.912.954.281	2.295.555.786	(29.309.524)	76.958.984.148
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	16.242.486.296	16.653.315.997	1.821.333.403	1.952.216.301	-	36.669.351.997
2. Khấu hao trong kỳ	3.531.255.004	7.282.897.925	392.732.789	99.399.366	-	11.306.285.084
- Trích trong năm	3.531.255.004	7.282.897.925	392.732.789	99.399.366	-	11.306.285.084
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	480.896.300	-	29.309.524	510.205.824
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	480.896.300	-	29.309.524	510.205.824
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	19.773.741.300	23.936.213.922	1.733.169.892	2.051.615.667	(58.619.048)	47.465.431.257
II. Giá trị còn lại của TSCĐ						
1. Tại ngày đầu năm	12.358.868.688	18.762.628.033	299.679.906	265.480.503	-	31.686.657.130
2. Tại ngày cuối năm	13.541.530.006	14.528.298.377	1.179.784.389	243.940.119	29.309.524	29.493.552.891

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Giá trị quyền sử dụng đất	TS vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	2.399.937.490	-	2.399.937.490
2. Số tăng trong năm	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
4. Số dư cuối năm	2.399.937.490	-	2.399.937.490
Giá trị hao mòn lũy kế			-
1. Số dư đầu năm	1.639.957.280	-	1.639.957.280
2. Số tăng trong năm	479.987.496	-	479.987.496
- Khấu hao trong năm	479.987.496	-	479.987.496
- Tăng khác	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
4. Số dư cuối năm	2.119.944.776	-	2.119.944.776
Giá trị còn lại			-
1. Tại ngày đầu năm	759.980.210	-	759.980.210
2. Tại ngày cuối năm	279.992.714	-	279.992.714

10. Chi phí XDCB dở dang

Văn phòng Công ty	
Cộng	

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	2.609.151.760	623.300.466
Cộng	2.609.151.760	623.300.466

11. Đầu tư dài hạn khác:

Văn phòng Công ty	
Cộng	

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	23.000.000	23.000.000
Cộng	23.000.000	23.000.000

12. Chi phí trả trước dài hạn

Văn phòng Công ty	
Phòng Dược liệu	
Chi nhánh Hà Nội	
Chi nhánh Thanh Miện	

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	-	2.688.909
Phòng Dược liệu	7.102.446	19.102.446
Chi nhánh Hà Nội	-	117.965.150
Chi nhánh Thanh Miện	-	6.350.042

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Số 102 Chi Lăng - Phường Nguyễn Trãi - TP. Hải Dương - Hải Dương

Cho năm tài chính

Điện thoại: 0320 3853848 - Fax: 0320 3853848

Kết thúc ngày 31/12/2012

Chi nhánh Kim Thành	136.047.096	115.271.938
Chi nhánh Cẩm Giàng	4.858.588	-
Chi nhánh Gia Lộc	27.709.397	37.123.182
Chi nhánh Nam Sách	-	10.752.443
Chi nhánh Chí Linh	192.368.422	128.653.716
Cộng	368.085.949	437.907.826
13. Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Vay ngắn hạn	36.314.236.906	23.871.947.432
Văn phòng Công ty	33.200.930.788	20.971.612.408
1. NH ĐT & PT CN Hải Dương	4.107.534.725	4.205.707.853
2. NH Xăng dầu Petrolimex	-	10.121.986.940
3. Ngân Hàng TMCP Công Thương Hải Dương	8.980.920.368	-
4. Vay cá nhân trong Công ty	20.112.475.695	6.643.917.615

- Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Tỉnh Hải Dương

+ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 011/2011/HĐ - VTYT, ngày 06/16/2011

+ Hạn mức: 25 tỷ

+ Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh dược phẩm

+ Loại tiền vay: Tiền Việt nam hoặc USD tương đương

+ Tài sản đảm bảo tiền vay: Toàn bộ Nhà xưởng máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải nhà làm việc và hệ thống kho.

+ Thời hạn vay: 6 tháng

+ HĐ tín dụng cụ thể số: 01/2011/HĐ ngày 17/11/2011

+ Số tiền: 4.205.707.9853 đồng

+ Lãi suất: 17%/năm

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương

Theo Hợp đồng tín dụng số: 06.03.12.043.01/HĐTD ngày 06 tháng 03 năm 2012 Theo đó:

Hạn mức cho vay là 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng).

Mục đích sử dụng vốn vay:

Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư và thiết bị y tế.

Loại tiền vay: VNĐ và USD

Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng kể từ ngày 06/03/2012 đến hết ngày 05/03/2013.

Lãi suất tiền vay: Theo lãi suất từng lần vay và theo thông báo lãi suất của Ngân hàng cho từng khoản vay. Theo văn bản bổ sung HĐ TD số 01/06.03.12.043.01/HĐTD thì lãi suất ưu cho vay là 13%/năm đối với VNĐ và 5,0% với USD. Thời hạn áp dụng ưu đãi là tối đa 03 tháng kể từ ngày nhận nợ.

Tài sản đảm bảo tiền vay:

Tài sản gắn liền với đất đã hình thành gồm: Nhà bảo vệ, hệ thống tường bảo vệ, cổng, trạm điện, hệ thống đường nội bộ, nhà nồi hơi và giá trị đầu tư vào đất; các tài sản đang và sẽ hình thành trong tương lai tại dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thuốc tiêm, thuốc viên và thuốc đông dược theo tiêu chuẩn GMP của Công ty với giá trị tài sản bảo đảm là 3.967.000.000 đ. Số tiền vay/hạn mức cho vay/ số dư bảo lãnh, mở L/C tối đa được bảo đảm bằng các tài sản này là 1.983.000.000 đ.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Số 102 Chi Lăng - Phường Nguyễn Trãi - TP. Hải Dương - Hải Dương

Cho năm tài chính

Điện thoại: 0320 3853848 - Fax: 0320 3853848

Kết thúc ngày 31/12/2012

Các chi nhánh trực thuộc	3.113.306.118	2.900.335.024
Phòng Dược liệu	-	126.874.200
Chi nhánh Thanh Miện	484.000.000	656.370.000
Chi nhánh Bình Giang	110.000.000	160.000.000
Chi nhánh Cẩm Giàng	486.000.000	546.000.000
Chi nhánh Tứ Kỳ	1.352.000.000	1.130.000.000
Chi nhánh Gia Lộc	149.306.118	212.090.824
Chi nhánh Nam Sách	282.000.000	69.000.000
Chi nhánh Ninh Giang	100.000.000	-
Chi nhánh Chí Linh	150.000.000	-
b. Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	36.314.236.906	23.871.947.432
14. Phải trả người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	92.598.193.693	66.197.253.669
Phòng Dược liệu	518.385.810	444.621.110
Chi nhánh Hà Nội	2.259.821.755	261.552.564
Chi nhánh TP Hải Dương	857.294.424	1.988.888.787
Chi nhánh Thanh Miện	1.001.984.518	304.865.799
Chi nhánh Kim Thành	475.924.640	86.904.575
Chi nhánh Bình Giang	151.518.139	1.003.103.565
Chi nhánh Kim Môn	506.347.511	649.844.519
Chi nhánh Thanh Hà	-	68.227.840
Chi nhánh Cẩm Giàng	671.330.770	1.073.190.351
Chi nhánh Tứ Kỳ	263.756.966	760.718.514
Chi nhánh Gia Lộc	1.014.208.359	1.341.821.948
Chi nhánh Nam Sách	1.172.034.444	261.280.669
Chi nhánh Ninh Giang	588.403.239	146.514.492
Chi nhánh Chí Linh	93.812.258	393.469.335
Cộng	102.173.016.526	74.982.257.737
15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	3.846.103.569	1.547.912.301
Phòng Dược liệu	4.805.592	5.347.881
Chi nhánh Hà Nội	598.788	6.749.151
Chi nhánh TP Hải Dương	21.579.550	6.875.000
Chi nhánh Thanh Miện	7.500.000	6.610.255
Chi nhánh Kim Thành	5.938.537	7.138.836
Chi nhánh Bình Giang	5.280.569	8.248.008
Chi nhánh Kim Môn	16.650.000	12.192.689
Chi nhánh Thanh Hà	2.500.000	-
Chi nhánh Cẩm Giàng	8.500.000	9.250.000
Chi nhánh Tứ Kỳ	13.431.055	11.981.118
Chi nhánh Gia Lộc	-	3.025.000
Chi nhánh Nam Sách	7.824.594	6.609.673

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Số 102 Chi Lăng - Phường Nguyễn Trãi - TP. Hải Dương - Hải Dương

Cho năm tài chính

Điện thoại: 0320 3853848 - Fax: 0320 3853848

Kết thúc ngày 31/12/2012

Chi nhánh Ninh Giang	9.325.000	6.250.000
Chi nhánh Chí Linh	16.803.909	11.969.479
Cộng	3.966.841.163	1.650.159.391
16. Phải trả Công nhân viên	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	5.661.109.171	5.019.140.728
Phòng Dược liệu	26.183.280	10.930.575
Chi nhánh Hà Nội	64.762.000	17.707.356
Chi nhánh TP Hải Dương	40.700.000	-
Chi nhánh Thanh Miện	161.537.680	59.436.356
Chi nhánh Kim Thành	75.863.000	-
Chi nhánh Bình Giang	104.514.469	56.471.417
Chi nhánh Kim Môn	25.871.056	-
Chi nhánh Thanh Hà	82.261.029	94.086.952
Chi nhánh Cẩm Giàng	143.387.653	105.594.674
Chi nhánh Tứ Kỳ	3.000.000	1.913.543
Chi nhánh Gia Lộc	160.560.000	38.000.000
Chi nhánh Nam Sách	116.516.300	-
Chi nhánh Ninh Giang	153.329.320	311.627
Chi nhánh Chí Linh	113.047.136	30.807.250
Cộng	6.932.642.094	5.434.400.478
17. Chi phí phải trả:	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	8.290.358.734	5.481.635.966
Chi nhánh Bình Giang	-	20.478.982
Chi nhánh Gia Lộc	-	1.531.135
Chi nhánh Cẩm Giàng	-	21.868.978
Chi nhánh Ninh Giang	-	33.581.279
Chi nhánh Kinh Môn	-	29.406.240
Cộng	8.290.358.734	5.588.502.580
18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	3.516.032.758	3.326.225.002
Phòng Dược liệu	1.099.000	35.615.000
Chi nhánh TP Hải Dương	1.929.387	6.720.000
Chi nhánh Thanh Miện	11.605.446	42.774.342
Chi nhánh Kim Thành	2.500.863	-
Chi nhánh Bình Giang	3.000.000	3.000.000
Chi nhánh Kim Môn	3.300.000	3.750.000
Chi nhánh Thanh Hà	2.400.000	2.700.000
Chi nhánh Cẩm Giàng	3.000.000	3.000.000
Chi nhánh Gia Lộc	24.167.566	38.000.000
Chi nhánh Nam Sách	47.220.748	49.916.490
Chi nhánh Ninh Giang	3.300.000	2.358.532

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Số 102 Chi Lăng - Phường Nguyễn Trãi - TP. Hải Dương - Hải Dương

Cho năm tài chính

Điện thoại: 0320 3853848 - Fax: 0320 3853848

Kết thúc ngày 31/12/2012

Cộng	3.619.555.768	3.514.059.366
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	6.159.935.360	3.032.851.165
Phòng Dược liệu	8.570.738	14.216.822
Chi nhánh Hà Nội	22.348.164	14.059.428
Chi nhánh TP Hải Dương	11.470.747	22.268.144
Chi nhánh Thanh Miện	5.765.934	418.136
Chi nhánh Kim Thành	15.300.028	14.832.530
Chi nhánh Bình Giang	1.202.173	25.894.789
Chi nhánh Kim Môn	2.270.302	3.978.780
Chi nhánh Thanh Hà	94.440	32.513.240
Chi nhánh Cẩm Giàng	95.381.880	109.915.425
Chi nhánh Tứ Kỳ	33.704.243	587.313
Chi nhánh Gia Lộc	9.665.834	208.078
Chi nhánh Nam Sách	1.480.280	272.018
Chi nhánh Ninh Giang	8.780.936	361.936
Chi nhánh Chí Linh	17.424.825	6.180.464
Cộng	6.393.395.884	3.278.558.268
20. Vay và nợ dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Vay dài hạn	4.823.038.000	10.160.020.434
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>4.823.038.000</i>	<i>10.160.020.434</i>
Văn phòng Công ty	4.823.038.000	10.160.020.434
<i>Vay Trung hạn Tại ngân hàng đầu tư và phát triển tỉnh Hải Dương</i>		
<i>- Hợp đồng tín dụng trung hạn số: 03//2011/HĐ - VTYT , ngày 20/7/2011</i>		
<i>+ Hạn mức : 500.000 USD và 3.000.000.000 đ</i>		
<i>+ Mục đích sử dụng tiền vay : Xây dựng 1 dây chuyền sản xuất thuốc viên nang mềm đạt tiêu chuẩn GMP - WHO</i>		
<i>+ Loại tiền vay : Tiền Việt Nam hoặc USD</i>		
<i>+ Tài sản đảm bảo tiền vay : Toàn bộ Nhà xưởng máy móc thiết bị sản xuất hình thành từ tiền vay</i>		
<i>+ Thời hạn vay : 55 tháng</i>		
b. Nợ dài hạn	3.396.500.000	3.399.130.000
<i>Nợ cán bộ CNV</i>	<i>3.396.500.000</i>	<i>3.399.130.000</i>
Văn phòng Công ty	1.784.500.000	1.871.500.000
Phòng Dược liệu	90.000.000	90.000.000
Chi nhánh Hà Nội	20.000.000	10.000.000
Chi nhánh TP Hải Dương	201.000.000	191.000.000
Chi nhánh Thanh Miện	127.000.000	64.630.000
Chi nhánh Kim Thành	134.000.000	134.000.000
Chi nhánh Bình Giang	125.000.000	133.000.000
Chi nhánh Kim Môn	214.000.000	214.000.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Số 102 Chi Lăng - Phường Nguyễn Trãi - TP. Hải Dương - Hải Dương

Cho năm tài chính

Điện thoại: 0320 3853848 - Fax: 0320 3853848

Kết thúc ngày 31/12/2012

Chi nhánh Thanh Hà	113.000.000	113.000.000
Chi nhánh Cẩm Giàng	69.000.000	69.000.000
Chi nhánh Tứ Kỳ	96.500.000	76.500.000
Chi nhánh Gia Lộc	82.000.000	82.000.000
Chi nhánh Nam Sách	83.000.000	93.000.000
Chi nhánh Ninh Giang	148.500.000	131.500.000
Chi nhánh Chí Linh	109.000.000	126.000.000
Cộng	8.219.538.000	13.559.150.434
21. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	-	2.018.397.815
Chi nhánh Kim Môn	-	10.000.000
Chi nhánh Tứ Kỳ	-	3.000.000
Chi nhánh Gia Lộc	-	10.524.915
Chi nhánh Nam Sách	-	13.400.000
Chi nhánh Ninh Giang	-	8.691.900
Chi nhánh Chí Linh	-	76.259.956
Cộng	-	2.140.274.586

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 102 Chi Lăng - Phường Nguyễn Trãi - TP. Hải Dương - Hải Dương

Điện thoại: 0320 3853848 - Fax: 0320 3853848

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2012

22. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu**A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	28.720.000.000	3.256.613.420	3.891.017.262	2.040.283.148	6.448.029.761	74.355.943.591
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	17.670.031.428	17.670.031.428
- Tăng khác	-	-	-	553.184.742	2.196.666.481	-	2.749.851.223
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	796.981	12.748.029.761	12.748.826.742
							-
2. Số dư cuối năm trước	30.000.000.000	28.720.000.000	3.256.613.420	4.444.202.004	4.236.152.648	11.370.031.428	82.026.999.500
3. Số dư đầu năm nay	30.000.000.000	28.720.000.000	3.256.613.420	4.444.202.004	4.236.152.648	11.370.031.428	82.026.999.500
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	20.792.246.042	20.792.246.042
- Tăng khác	-	-	-	4.871.199.015	2.736.940.175	-	7.608.139.190
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	1.109.111.513	4.000.000	18.861.163.452	19.974.274.965
							-
4. Số dư cuối năm nay	30.000.000.000	28.720.000.000	3.256.613.420	8.206.289.506	6.969.092.823	13.301.114.018	90.453.109.767

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả KD (ĐVT: đ)

23. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	688.021.839.816	675.337.950.420
Văn phòng Công ty	438.715.379.625	462.710.665.587
Phòng Dược liệu	8.041.040.440	15.529.018.130
Chi nhánh Hà Nội	17.595.785.316	11.963.644.615
Chi nhánh TP Hải Dương	13.186.716.880	12.008.503.124
Chi nhánh Thanh Miện	22.422.064.550	17.251.340.286
Chi nhánh Kim Thành	14.003.690.432	10.775.097.084
Chi nhánh Bình Giang	15.135.473.308	11.733.494.443
Chi nhánh Kim Môn	20.168.716.453	16.568.069.280
Chi nhánh Thanh Hà	18.194.615.392	17.758.811.143
Chi nhánh Cẩm Giàng	21.104.875.539	15.735.051.149
Chi nhánh Tứ Kỳ	24.903.751.049	20.685.761.578
Chi nhánh Gia Lộc	19.364.454.901	16.911.984.315
Chi nhánh Nam Sách	17.315.522.042	10.862.188.689
Chi nhánh Ninh Giang	20.558.401.534	14.683.296.369
Chi nhánh Chí Linh	17.311.352.355	20.161.024.628
24. Các khoản giảm trừ doanh thu	3.592.431.992	2.365.696.072
Văn phòng Công ty	3.557.443.405	2.328.120.879
Phòng Dược liệu	3.066.827	7.823.518
Chi nhánh TP Hải Dương	3.571.440	-
Chi nhánh Thanh Miện	15.783.964	-
Chi nhánh Kim Thành	9.815.020	238.840
Chi nhánh Ninh Giang	2.424.800	1.234.000
Chi nhánh Chí Linh	326.536	28.278.835
25. Doanh thu thuần, trong đó	684.429.407.824	672.972.254.348
- Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	682.857.726.001	671.814.563.514
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.571.681.823	1.157.690.834
26. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Văn phòng Công ty	356.706.971.224	396.006.426.406
Phòng Dược liệu	6.962.087.165	14.284.187.056
Chi nhánh Hà Nội	16.778.411.392	11.359.437.637
Chi nhánh TP Hải Dương	11.212.496.280	10.121.683.792
Chi nhánh Thanh Miện	20.234.706.485	15.668.322.453
Chi nhánh Kim Thành	12.838.430.474	9.942.825.748
Chi nhánh Bình Giang	13.692.072.301	10.523.308.187
Chi nhánh Kim Môn	18.419.017.953	15.057.723.945

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG**Thuyết minh Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Số 102 Chi Lăng - Phường Nguyễn Trãi - TP. Hải Dương - Hải Dương

Cho năm tài chính

Điện thoại: 0320 3853848 - Fax: 0320 3853848

Kết thúc ngày 31/12/2012

Chi nhánh Thanh Hà	16.590.985.448	16.332.992.291
Chi nhánh Cẩm Giàng	19.614.325.748	14.493.073.155
Chi nhánh Tứ Kỳ	22.789.201.012	18.764.604.303
Chi nhánh Gia Lộc	17.391.137.263	15.485.493.130
Chi nhánh Nam Sách	15.555.741.361	10.011.636.930
Chi nhánh Ninh Giang	18.525.868.241	13.338.767.560
Chi nhánh Chí Linh	15.273.269.577	18.360.149.331
Cộng	582.584.721.924	589.750.631.924
27. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Văn phòng Công ty	1.372.823.174	2.539.768.884
Phòng Dược liệu	12.764.737	-
Chi nhánh Hà Nội	967.393	3.962.562
Chi nhánh TP Hải Dương	1.248.800	-
Chi nhánh Thanh Miện	6.002.800	8.859.600
Chi nhánh Kim Thành	2.557.500	3.880.445
Chi nhánh Bình Giang	820.328	433.980
Chi nhánh Kim Môn	7.449.923	8.382.869
Chi nhánh Thanh Hà	4.151.600	5.562.700
Chi nhánh Cẩm Giàng	7.043.722	8.296.000
Chi nhánh Gia Lộc	5.473.712	8.027.961
Chi nhánh Nam Sách	8.579.003	4.100.903
Chi nhánh Ninh Giang	1.598.296	158.230
Chi nhánh Chí Linh	9.816.775	19.547.900
Cộng	1.441.297.763	2.610.982.034
28. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Văn phòng Công ty	3.790.012.439	2.786.940.632
Phòng Dược liệu	196.592.200	259.488.067
Chi nhánh Hà Nội	10.588.446	35.914.695
Chi nhánh TP Hải Dương	23.269.000	32.000.000
Chi nhánh Thanh Miện	64.385.000	44.344.000
Chi nhánh Kim Thành	-	1.119.646
Chi nhánh Bình Giang	86.160.695	29.013.522
Chi nhánh Kim Môn	112.391.810	217.369.176
Chi nhánh Thanh Hà	50.651.000	171.193.666
Chi nhánh Cẩm Giàng	160.008.057	87.920.560
Chi nhánh Tứ Kỳ	178.942.000	131.690.000
Chi nhánh Gia Lộc	35.848.000	59.920.000
Chi nhánh Nam Sách	41.773.960	15.501.500
Chi nhánh Ninh Giang	14.613.876	49.859.519

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

HAI DUONG PHARM

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TỰ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Số 102 Chi Lăng - Phường Nguyễn Trãi - TP. Hải Dương - Hải Dương

Cho năm tài chính

Điện thoại: 0320 3853848 - Fax: 0320 3853848

Kết thúc ngày 31/12/2012

Chi nhánh Chí Linh	15.827.000	16.875.000
Cộng	4.781.063.483	3.939.149.983
29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.733.704.672	5.064.489.573
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Cộng	6.733.704.672	5.064.489.573
30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	Năm nay	Năm trước
- Thuế TNDN giảm 30% theo thông tư 154/2011/BTC	-	1.109.111.514
- Thuế TNDN được miễn giảm theo dự án được ưu đãi theo ND 24 và TT 34; DN sử dụng nhiều lao động nữ	591.132.025	1.367.451.194
Cộng	591.132.025	2.476.562.708
31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	126.989.245.050	130.829.418.956
Chi phí nhân công	10.624.521.199	10.662.311.221
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.860.518.057	6.657.211.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.316.044.677	3.209.171.734
Chi phí khác bằng tiền	2.791.915.459	2.859.935.554
Cộng	152.582.244.442	154.218.048.600
32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	20.792.246.042	17.670.031.428
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
+ Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20.792.246.042	17.670.031.428
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.000.000	3.068.779
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.931	5.890

VII. Những thông tin khác**1. Công cụ tài chính:****1.1 Quản lý rủi ro vốn:**

Công ty thực hiện việc quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm: vốn điều lệ cộng với thặng dư vốn cổ phần, trừ đi cổ phiếu quỹ.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Tài sản tài chính:

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính:

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Tiền và các khoản tương đương tiền	20.104.565.181	20.104.565.181
- Tương đương tiền	-	-
- Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	150.999.837.725	147.708.887.612

1.2 Công nợ tài chính:

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả cho người bán và khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Số dư ngày 31/12/2012

- Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn:	44.533.774.906
- Phải trả người bán:	102.173.016.526

1.3 Quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua bán từ một số lượng lớn các nhà cung cấp phân bố ở các nước và khu vực khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả của hàng hóa

Rủi ro tín dụng: Bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất: Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng tính dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng đối với các khoản nợ phải trả tài chính của công ty tại ngày 31/12/2012:

Đối tượng	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	102.173.016.526	-	102.173.016.526
Vay ngắn hạn	36.314.236.906	-	36.314.236.906
Vay dài hạn		8.230.678.800	8.230.678.800

1.4 Tài sản đảm bảo

Trong kỳ Công ty có dùng một số tài sản để thế chấp vốn ngân hàng, cụ thể như sau:

+ Khoản vay Ngân hàng PG bank theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 380/HĐTD/HM-PN/PGHD - 11 , ngày 13/12/2011; Mục đích sử dụng tiền vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh dược phẩm; Tài sản đảm bảo: Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển gồm nguyên vật liệu hàng hoá dược phẩm, dụng cụ thiết bị y tế; Lãi suất: theo thời điểm vay;

+ Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Tỉnh Hải Dương theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 011/2011/HĐ - VTYT , ngày 06/6/2011.Mục đích sử dụng tiền vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh dược phẩm.Tài sản đảm bảo tiền vay : Toàn bộ Nhà xưởng máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải,nhà làm việc và hệ thống kho.

+ Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương theo Hợp đồng tín dụng số: 06.03.12.043.01/HĐTD ngày 06 tháng 03 năm 2012. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư và thiết bị y tế. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất đã hình thành gồm: Nhà bảo vệ, hệ thống tường bảo vệ, cổng, trạm điện, hệ thống đường nội bộ, nhà nổi hơi và giá trị đầu tư vào đất; các tài sản đang và sẽ hình thành trong tương lai tại dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thuốc tiêm, thuốc viên và thuốc đông dược theo tiêu chuẩn GMP của Công ty với giá trị tài sản bảo đảm là 3.967.000.000 đ. Số tiền vay/hạn mức cho vay/ số dư bảo lãnh, mở LIC tối đa được bảo đảm bằng các tài sản này là 1.983.000.000 đ.

+ Vay Trung hạn Tại ngân hàng đầu tư và phát triển tỉnh hải Dương theo hợp đồng tín dụng trung hạn số: 031/2011/HĐ - VTYT , ngày 20/7/2011.Mục đích sử dụng tiền vay : Xây dựng 1 dây chuyền sản xuất thuốc viên nang mềm đạt tiêu chuẩn GMP -WHO.Tài sản đảm bảo tiền vay là Toàn bộ Nhà xưởng máy móc thiết bị sản xuất hình thành từ tiền vay.

Vay Trung hạn Tại ngân hàng đầu tư và phát triển tỉnh hải Dương theo hợp đồng vay trung hạn số: 01/2008/HĐ ngày 17/01/2008. Mục đích sử dụng tiền vay : Xây dựng dây chuyền sản xuất thuốc tiêm - nhỏ mắt đạt tiêu chuẩn GMP - WHO.Tài sản đảm bảo tiền vay : Toàn bộ Nhà xưởng máy móc thiết bị sản xuất hình thành từ tiền vay.

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo.

4. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

5. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	12,21%	15,44%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	87,79%	84,56%

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TỰ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Địa chỉ: Số 102 Chi Lăng - Phường Nguyễn Trãi - TP. Hải Dương - Hải Dương

Cho năm tài chính

Điện thoại: 0320 3853848 - Fax: 0320 3853848

Kết thúc ngày 31/12/2012

1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)

- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	66,30%	62,23%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	33,70%	37,77%

2 Khả năng thanh toán

2.1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	1,51	1,61
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1,39	1,54
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,12	0,10

3 Tỷ suất sinh lời**3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)**

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	3,94%	3,01%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	3,04%	2,63%

3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	10,04%	9,33%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	7,75%	8,14%

Hải Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2013

Kế toán trưởng



Chu Văn Long



Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Trang

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)